

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 1994

LUẬT

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ UỶ BAN NHÂN DÂN

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của trung ương đồng thời phát huy quyền chủ động, sáng tạo của địa phương.

Điều 2

Uỷ ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 3

Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân quản lý địa phương theo Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và chống các

biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong cơ quan, cán bộ, viên chức Nhà nước và trong bộ máy chính quyền địa phương.

Điều 4

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính sau đây:

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh);
- Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện);
- Xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân và thể thức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định.

Điều 5

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có Thường trực Hội đồng nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân cấp xã có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Điều 6

Nhiệm kỳ của mỗi khoá Hội đồng nhân dân các cấp là năm năm.

Nhiệm kỳ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khoá mới bầu ra Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 7

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Chương IX của Hiến pháp năm 1992 và theo quy định của Luật này.

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở mỗi cấp do Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 8

Hội đồng nhân dân chịu sự giám sát và hướng dẫn hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chịu sự hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ trong việc thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 9

Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hiệu quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hiệu quả hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 10

Trong hoạt động của mình, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân, vận động nhân dân tham gia vào việc quản lý Nhà nước và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

MỤC I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 11

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình và xuất phát từ lợi ích chung của đất nước, của nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân:

1- Quyết định những chủ trương và biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, làm tròn nghĩa

vụ của địa phương đối với cả nước. Khi quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân ra nghị quyết; những nghị quyết về các vấn đề mà pháp luật quy định thuộc quyền phê chuẩn của cấp trên thì trước khi thi hành phải được cấp trên phê chuẩn;

2- Giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các lĩnh vực được quy định tại các điều 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 của Luật này; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

Điều 12

Trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân quyết định:

1- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chủ trương, biện pháp nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế ở địa phương, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế theo quy định của pháp luật, dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách của địa phương;

2- Chủ trương, biện pháp phân bổ lao động và dân cư ở địa phương;

3- Biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương theo quy định của pháp luật;

4- Biện pháp thực hiện chính sách tiết kiệm trong hoạt động quản lý Nhà nước, trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, chống tham nhũng, chống buôn lậu.

Điều 13

Trong lĩnh vực văn hoá, xã hội và đời sống, Hội đồng nhân dân quyết định:

1- Chủ trương, biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, phát thanh, truyền hình, giáo dục thanh niên, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, xây dựng nếp sống văn minh, giáo dục truyền thống đạo đức tốt đẹp, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, chống các tệ nạn xã hội và những biểu hiện không lành mạnh trong đời sống xã hội ở địa phương;

2- Chủ trương, biện pháp giải quyết việc làm và cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; cải thiện đời sống nhân dân ở địa phương;

3- Chủ trương, biện pháp bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo vệ, chăm sóc người già, bà mẹ, trẻ em, thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình;

4- Chủ trương, biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi, chăm sóc và giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội.

Điều 14

Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, Hội đồng nhân dân quyết định:

1- Chủ trương, biện pháp nhằm khuyến khích việc nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương;

2- Chủ trương, biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường ở địa phương theo quy định của pháp luật;

3- Biện pháp thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường và chất lượng sản phẩm, ngăn chặn việc sản xuất và lưu hành hàng giả tại địa phương, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Điều 15

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng nhân dân quyết định:

1- Biện pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang và quốc phòng toàn dân, bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện nhiệm vụ động viên, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương;

2- Biện pháp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương.

Điều 16

Trong việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo, Hội đồng nhân dân quyết định:

1- Biện pháp bảo đảm thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào các dân tộc, bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, giữ gìn, tăng cường khối đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc ở địa phương;